

Số: 22/2024/QĐST-DS

H, ngày 21 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 246/2023/TLST-DS, ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam. Địa chỉ: Số 2 đường X, phường Z, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh H. Địa chỉ: KP Q, E, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Người đại diện: Ông Quách Đình H3 - Chức vụ Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Đức D - Chức vụ Phó giám đốc Chi nhánh H.

Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn I, xã O, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Hồng T1, sinh năm 1993; ông Lê Hồng K, sinh năm 1996. Cùng địa chỉ: Thôn I, xã O, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về yêu cầu trả tiền:** Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam - Người đại diện theo uỷ quyền là ông Lê Đức D và ông Lê Văn T, ông Lê Hồng T1, ông Lê Hồng K thoả thuận: Ông Lê Văn T và ông Lê Hồng T1, ông Lê Hồng K liên đới trả Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 183.499.315 (*Một trăm tám mươi ba triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng*), trong đó nợ gốc 150.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng*) và lãi suất kể từ ngày 25/8/2022 đến ngày 13/3/2024 số tiền 33.499.315 (*Ba mươi ba triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn ba trăm mười lăm*

đồng). Đồng thời ông Lê Văn T và ông Lê Hồng T1, ông Lê Hồng K tiếp tục trả Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam lãi suất phát sinh kể từ ngày 14/3/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 4811-LAV-202003749 ngày 09/11/2020 kể từ ngày 14/3/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Không ai yêu cầu gì về giải quyết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 436448 do UBND huyện H cấp ngày 10/09/2014, đứng tên Lê Văn T chủ sử dụng đất, do UBND huyện H cấp ngày 10/9/2014; thửa đất số 79, tờ bản đồ số 2 ông Lê Văn T đã nộp cho Ngân hàng (Không phải là tài sản thế chấp) nên Tòa án không xem xét.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- **Về án phí:** Ông Lê Văn T và ông Lê Hồng T1, ông Lê Hồng K phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 4.587.482 đồng (bằng chữ: *Bốn triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng*).

Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 4.345.530 đồng (bằng chữ: *Bốn triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi đồng*) tạm ứng án phí đã thu theo biên lai số 0019394 ngày 18 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Nguyên Kim